

Chi tiết mã HS 4001.29

Mã HS	4001.29
Mô tả hàng hóa	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	01/11/2026 12:27:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/400129/

10 dòng thuế thuộc 4001.29

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
4001.29.10	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Cao su dạng tờ được làm khô bằng không khí(SEN)	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.20	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Crếp từ mủ cao su (SEN)	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.30	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Crếp làm đế giày (SEN)	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.50	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Crếp loại khác	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.60	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Cao su chế biến cao cấp	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.70	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Váng cao su	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.80	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Loại tận thu (trên cây, dưới đất hoặc loại đã xông khói) và phần thừa lại trên chén(SEN)	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
4001.29.94	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, dạng nguyên sinh: / - - - - Cao su tự nhiên đã khử protein (DPNR) (SEN)	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.96	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, dạng nguyên sinh: / - - - - Loại khác	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
4001.29.99	Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cóc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su tự nhiên ở dạng khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg	4,5%	3%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.